

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST
Ngày 31-12-2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Công Dũng

Bà Bùi Thị Bắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Lan Hương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Chu Xuân Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐXX-ST ngày 03 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1989

Căn cước công dân số: 020189008962; cấp ngày 16/7/2025; nơi cấp: Bộ Công an.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Dương Công T, sinh năm 1991.

Căn cước công dân số: 020091004804

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K kết hôn với anh Dương Công T vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, nay là Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi kết hôn, anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với bố mẹ chồng tại thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn nay là thôn N, xã V, tỉnh Lạng Sơn. Ban đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, hạnh phúc. Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Dương Công T đi uống rượu về hay mắng chửi chị, vợ chồng xảy ra bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Sau đó anh Dương Công T đi làm công ty, vợ chồng vẫn liên lạc với nhau, thi thoảng anh Dương Công T vẫn về thăm gia đình rồi lại đi làm. Đến năm 2018 vợ chồng chị cùng đi làm thuê, tuy nhiên chị và anh Dương Công T làm mỗi người một nơi, từ khi đó anh Dương Công T không liên lạc với chị lần nào nữa, chị cũng không liên lạc được với anh Dương Công T. Trong thời gian từ năm 2018 đến năm 2023 tôi vẫn đi làm công ty, thi thoảng mới về nhà thăm con. Đến năm 2023 chị đã chuyển hộ khẩu về nhà bố mẹ đẻ tại thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (nay là thôn L, xã V, tỉnh Lạng Sơn) sinh sống cho đến nay. Gia đình hai bên đều biết vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và khuyên bảo nhưng do chị và anh Dương Công T không còn tình cảm gì với nhau và không còn quan tâm gì đến nhau nên không thể hàn gắn được nữa. Chị và anh Dương Công T đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, vợ chồng không ai còn quan tâm gì đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Nguyễn Thị K yêu cầu được ly hôn với anh Dương Công T.

Về con chung: Có 01 người con chung tên là Dương Công T1, sinh ngày 23/8/2014. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị K yêu cầu anh Dương Công T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi, chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng trên một tháng) đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có

Quá trình giải quyết vụ án anh Dương Công T vắng mặt, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như kết quả xác minh với đại diện gia đình anh Dương Công T là bà Lường Thị T2 là mẹ đẻ của anh Dương Công T; đại diện thôn N, xã V và Công an xã V; kết quả xác minh đều khẳng định anh Dương Công T vẫn có đăng ký thường trú tại thôn N, xã V. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh Dương Công T không đến Tòa án tham gia tố tụng mà không có lý do.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn anh Dương Công T không đến Tòa án tham gia vào quá trình tố tụng, chị Nguyễn Thị K có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chị Nguyễn Thị K đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Dương Công T vắng mặt tại Tòa án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, do vậy chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28. Điều 56, 57 Điều 81, 82, 83, 84 Luật HN&GD năm 2014. Điều 147, Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, và NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Dương Công T

Về con chung: Có 01 người con chung tên là Dương Công T1, sinh ngày 23/8/2014. Khi ly hôn, giao con chung là cháu Dương Công T1 cho anh Dương Công T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi, chị Dương Thị Kính sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng trên một tháng) đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị K khởi kiện yêu cầu giải quyết được ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Dương Công T. Vì vậy, quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Dương Công T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn nay là thôn N, xã V, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 3 -

Lạng Sơn. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa lần hai, bị đơn anh Dương Công T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình cảm: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị K và anh Dương Công T là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn nay là xã V, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 22/5/2014 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị K và anh Dương Công T là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Dương Công T hay đi uống rượu về chửi mắng chị Nguyễn Thị K, vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không còn tình cảm, không quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống.

[4] Xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị K và anh Dương Công T thấy rằng: Anh Dương Công T không hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn và cũng không có ý kiến gì về việc chị Nguyễn Thị K có đơn xin ly hôn với anh. Vợ, chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị K và anh Dương Công T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy, chị Nguyễn Thị K yêu cầu ly hôn với anh Dương Công T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Nguyễn Thị K và anh Dương Công T có một người con chung tên là Dương Công T1, sinh ngày 23/8/2014. Khi ly hôn chị Nguyễn Thị K yêu cầu anh Dương Công T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, chị Nguyễn Thị K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Còn anh Dương Công T quá trình giải quyết vụ án không đến Tòa án tham gia tố tụng nên không có ý kiến về con chung. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị Nguyễn Thị K về con chung là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, Điều 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận, khi ly hôn giao con chung là cháu Dương Công T1, sinh ngày 23/8/2014 cho anh Dương Công T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), đó cũng là nguyện vọng của cháu Dương Công T1; ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của chị Nguyễn Thị K với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 31/12/2025) đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị Nguyễn Thị K phải chịu lãi suất trong việc chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Chị Nguyễn Thị K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị K, quá trình giải quyết vụ án trình bày là không có, còn anh Dương Công T vắng mặt, không có ý kiến gì. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Nguyễn Thị K phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Nguyễn Thị K đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000488 ngày 10/10/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Chị Nguyễn Thị K phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí để sung ngân sách Nhà nước.

[9] Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56; Điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Dương Công T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị K và anh Dương Công T có một người con chung tên là Dương Công T1, sinh ngày 23/8/2014. Khi ly hôn, giao con chung cho anh Dương Công T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị Nguyễn Thị K với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng trên một tháng) đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi); thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 31/12/2025) đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị Nguyễn Thị K phải chịu lãi suất trong việc chậm thực

hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Chị Nguyễn Thị K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, bên có quyền có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị K phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Nguyễn Thị K đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000488 ngày 10/10/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Chị Nguyễn Thị K phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí để sung ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kính có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Dương Công Thống vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 3 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 3 - tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã V, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Ngọc

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn,
tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã V, huyện Bắc Sơn,
tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Tú

Hoàng Văn Đạo

Dương Thị Ngọc

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn; tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THA huyện Bắc Sơn; tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Long Đống, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Ngọc